



THÔNG TIN

KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tháng 1 và tuần 1 tháng 2/2026



Kinh tế thế giới đầu năm 2026 tiếp tục phục hồi nhưng ở tốc độ chậm và không đồng đều

Kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu tăng trưởng chậm dần do cầu yếu

Kinh tế Việt Nam khởi đầu năm với tăng trưởng cao và có nhiều điểm sáng

Thị trường tiền tệ trong giai đoạn đầu năm 2026 diễn biến sôi động, lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh





THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tháng 1 và tuần 1 tháng 2 (02-06/02/2026)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Kinh tế Việt Nam khởi đầu năm với tăng trưởng cao và có nhiều điểm sáng;
- Lãi suất liên ngân hàng tháng đầu năm biến động mạnh;
- Các ngân hàng thương mại linh hoạt điều chỉnh lãi suất huy động để thu hút vốn đầu năm;
- Điều hành tín dụng cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát rủi ro hệ thống;
- Tăng trưởng lợi nhuận bình quân toàn ngành năm 2025 tăng khoảng 19,5%;
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) trong tháng đầu năm chỉ ghi nhận 4 đợt phát hành mới với tổng giá trị chưa đến 3.800 tỷ đồng;
- Dự báo năm 2026, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đến hạn thanh toán lên tới 200.000 tỷ đồng, với nhóm bất động sản tiếp tục là nhóm chịu áp lực đáo hạn lớn nhất (chiếm hơn 60%).

Kinh tế - tài chính thế giới

- Kinh tế thế giới đầu năm 2026 tiếp tục phục hồi nhưng ở tốc độ chậm và không đồng đều; Lạm phát toàn cầu giảm nhẹ, tuy nhiên rủi ro suy giảm vẫn hiện hữu;
- Bất định địa chính trị, phân mảnh thương mại và biến động thị trường tài chính đang gây sức ép lên đầu tư và thương mại toàn cầu;
- Tình hình sản xuất toàn cầu tăng nhanh nhờ sự gia tăng mạnh nhất về đơn đặt hàng mới;
- Kinh tế Mỹ tiếp tục mở rộng; Kinh tế khu vực EURO hồi phục nhanh hơn dự báo
- Kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu tăng trưởng chậm dần do cầu yếu;
- Kinh tế Nhật Bản hồi phục ổn định và Khu vực ASEAN giữ đà tăng trưởng;
- Các NHTW lớn đang đối mặt với bối cảnh toàn cầu phức tạp.

Thông tin hội viên

- Các ngân hàng lớn Agribank, Vietcombank, BIDV đẩy mạnh an sinh xã hội và phát triển bền vững dịp Xuân Bính Ngọ 2026;
- VietinBank thúc đẩy chuyển đổi số, tài chính xanh và hỗ trợ phát triển hạ tầng;
- Ngân hàng đồng loạt cảnh báo lừa đảo trực tuyến gia tăng dịp cận Tết;
- HDBank lan tỏa hoạt động cộng đồng, tăng trưởng lợi nhuận và đẩy mạnh tài chính xanh;
- Sacombank đẩy mạnh chuyển đổi số, hỗ trợ hộ kinh doanh và nâng cấp trải nghiệm thanh toán;
- VietABank đẩy mạnh chuyển đổi số, lợi nhuận năm 2025 tăng 50%...

THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ THÁNG 1 VÀ TUẦN 1 THÁNG 2/2026

A. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

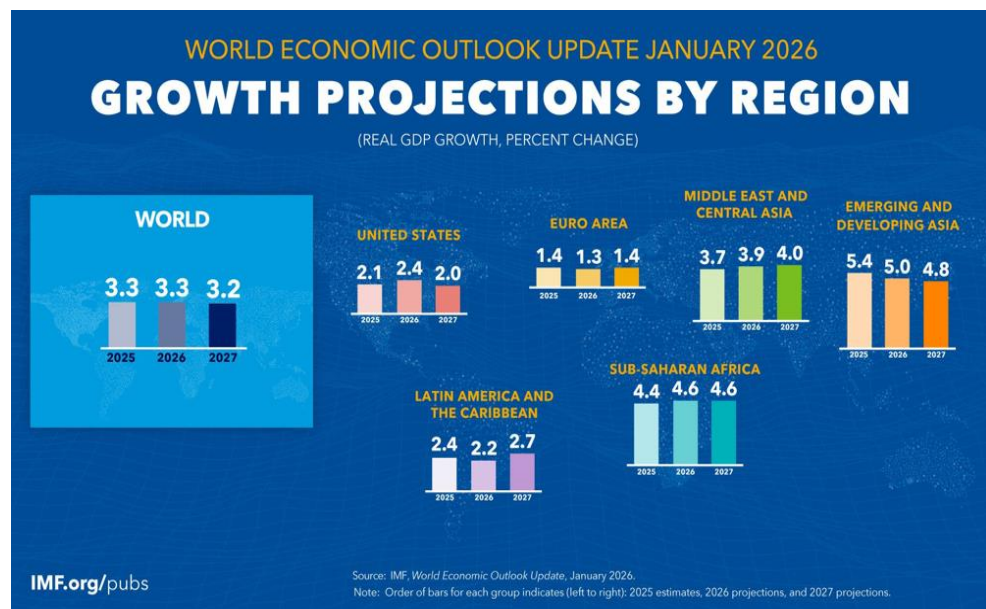
Nền kinh tế toàn cầu bước vào năm 2026 với dấu hiệu duy trì khả năng chống chịu khá tốt, dù chịu nhiều cú sốc và bất ổn. Tăng trưởng GDP toàn cầu đạt khoảng 2,8% năm 2025 và dự kiến giảm nhẹ xuống 2,7% năm 2026. Hoạt động thương mại quốc tế vẫn mở rộng, tiêu dùng và thị trường lao động tương đối ổn định, trong khi xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế năm 2026 tại Mỹ được dự báo 2,4%, khu vực Euro khoảng 1,3%, Trung Quốc giảm nhẹ so với 2025.

1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Dự báo mới nhất về tăng trưởng kinh tế (GDP) và lạm phát toàn cầu (CPI) do các tổ chức quốc tế có uy tín đưa ra cuối tháng 12/2025 và tháng 1/2026 có phần dè dặt.

Tuy nhiên, sức chống chịu của các nền kinh tế lớn là khác nhau. Tốc độ tăng trưởng hiện thấp hơn mức trung bình

trước đại dịch, chưa đủ bù đắp thiệt hại từ các cuộc khủng hoảng gần đây. Tại nhiều nước đang phát triển, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người chậm, giảm nghèo còn hạn chế; áp lực chi phí sinh hoạt vẫn cao do giá lương thực, nhà ở và dịch vụ thiết yếu tăng nhanh hơn thu nhập.



Trong lĩnh vực tài chính công, dư địa tài khóa toàn cầu đang bị thu hẹp khi chi phí trả nợ gia tăng và chi tiêu quốc phòng tăng, làm giảm nguồn lực cho đầu tư phát triển, giáo dục, y tế và thích ứng biến đổi khí hậu. Đồng thời, chi phí vay cao và dòng vốn quốc tế biến động

khiến nhiều nước đang phát triển khó tiếp cận nguồn tài chính dài hạn, làm gia tăng rủi ro chu kỳ nợ.

Về cấu trúc tăng trưởng, công nghệ mới như AI, kinh tế số và năng lượng sạch đang trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, song lợi ích chủ yếu tập trung ở các nền kinh tế phát triển. Khoảng cách công nghệ và năng lực tài chính có nguy cơ làm gia tăng chênh lệch phát triển giữa các quốc gia, đồng thời cạnh tranh đối với khoáng sản chiến lược (như lithium, cobalt, đất hiếm) đang định hình lại chính sách công nghiệp và thương mại toàn cầu

Bên cạnh đó, bất định địa chính trị, phân mảnh thương mại và biến động thị trường tài chính đang gây sức ép lên đầu tư và thương mại toàn cầu, dù thương mại dịch vụ và liên kết Nam – Nam có xu hướng mở rộng. Ngoài ra, rủi ro khí hậu tiếp tục gia tăng khi phát thải carbon đạt mức kỷ lục và thiên tai gây thiệt hại kinh tế ngày càng lớn.

Dù vậy, triển vọng vẫn có điểm sáng khi các thỏa thuận đa phương gần đây hướng tới tăng cường mạng lưới an toàn tài chính toàn cầu, mở rộng tiếp cận vốn dài hạn chi phí thấp, thúc đẩy việc làm bền vững và phát triển xanh. Thành công của các sáng kiến này sẽ quyết định khả năng chuyển từ “ổn định ngắn hạn” sang tăng trưởng bền vững và bao trùm trong giai đoạn tới.

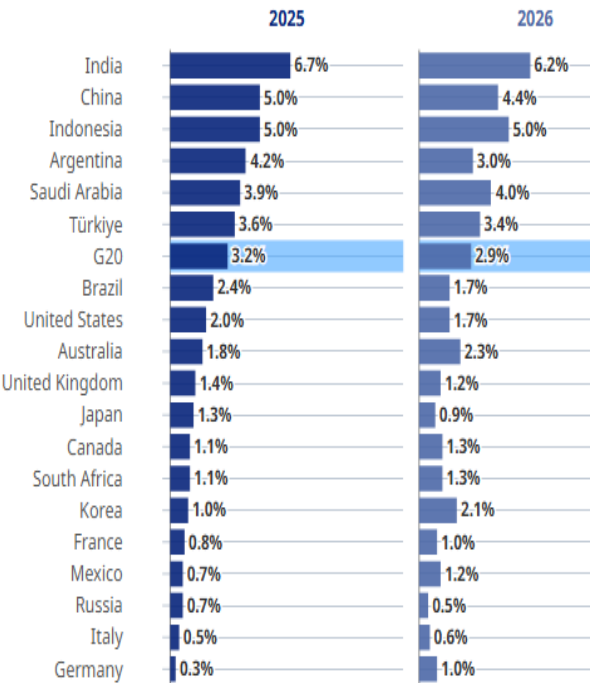
Thương mại toàn cầu được WTO/UNCTAD dự báo là sẽ phục hồi chậm khi mà khối lượng thương mại hàng hóa quý IV/2025 chỉ tăng khiêm tốn (khoảng 3–4% so năm trước), trong khi dòng chảy dịch vụ và chuyển giao công nghệ đang tăng lên. Còn Ngân hàng Thế giới dự báo doanh thu thương mại toàn cầu năm 2026 tăng không đáng kể do nhu cầu toàn cầu vẫn yếu.

II. Triển vọng tăng trưởng, sản xuất kinh doanh và thương mại toàn cầu

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng sản xuất (PMI) tháng 1/2026 của J.P.Morgan và S&P Global phối hợp công bố đạt mức điểm 50,9 – cao nhất trong vòng 3 tháng qua và là chuỗi 6 tháng liên tục trên mức trung bình 50 điểm.

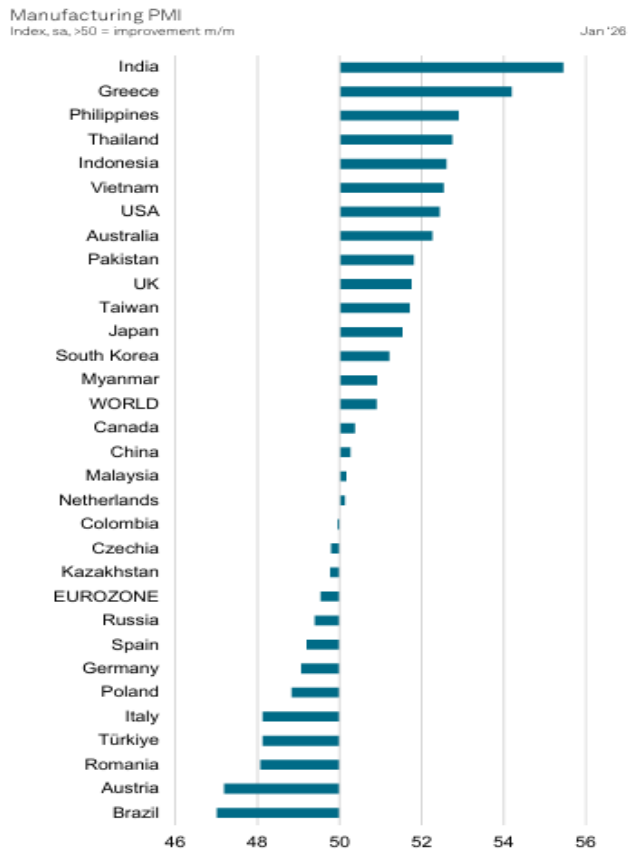
Chỉ số này cho thấy sản lượng sản xuất đang tăng với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 6/2024, nhờ sự gia tăng mạnh nhất về đơn đặt hàng mới trong gần một năm (mặc dù tốc độ mở rộng ở cả hai trường hợp đều ở mức vừa phải). Dòng chảy thương mại quốc tế cũng có dấu hiệu dần ổn định, khi các đơn đặt hàng xuất khẩu mới chỉ giảm nhẹ và ở mức yếu nhất trong giai đoạn suy thoái kéo dài 10 tháng qua.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu



Nguồn: OECD, tháng 1/2026

PMI sản xuất toàn cầu



Nhìn sâu hơn vào xu hướng sản lượng, tăng trưởng mạnh mẽ được ghi nhận ở Ấn Độ, Mỹ và các nền kinh tế ASEAN, dẫn đầu là Việt Nam. Trong khi sự mở rộng của Ấn Độ theo một mô hình tăng trưởng mạnh mẽ chung trong những năm gần đây, tăng trưởng của Mỹ là mức tốt nhất kể từ tháng 4 năm 2022 và mức tăng trưởng chung của ASEAN là nhanh nhất kể từ tháng 4/2023. Tăng trưởng sản lượng đạt mức cao nhất trong 45 và 11 tháng lần lượt tại Nhật Bản và Đài Loan, trong khi sự phục hồi của Hàn Quốc là mức mạnh nhất trong 17 tháng. Một sự phục hồi bền vững khiêm tốn cũng được ghi nhận ở Trung Quốc đại lục. Tại châu Âu, tốc độ tăng trưởng của Vương quốc Anh là nhanh nhất trong 16 tháng và khu vực đồng euro đã quay trở lại tăng trưởng. Tuy nhiên, vẫn còn những điểm yếu, bao gồm cả sự suy giảm mạnh ở Brazil.

Dữ liệu được phân tích theo định nghĩa tiểu ngành cho thấy sự mở rộng trên các ngành hàng tiêu dùng, hàng hóa trung gian và hàng hóa đầu tư, với tốc độ tăng trưởng nhanh nhất ở ngành hàng tiêu dùng. Hai lĩnh vực cũng chứng kiến đơn đặt hàng mới tăng lên (hàng tiêu dùng và hàng hóa trung gian).

Sự lạc quan trong lĩnh vực sản xuất gần đây đã cho thấy khả năng phục hồi trước sự bất ổn địa chính trị gia tăng. Niềm tin kinh doanh đã đạt mức cao nhất trong mười tháng, mặc dù mức

độ lạc quan vẫn thấp hơn mức trung bình dài hạn. Niềm tin dưới mức trung bình (được đo lường so với các tiêu chuẩn lịch sử quốc gia) đã được ghi nhận tại Mỹ, Trung Quốc đại lục, Ấn Độ, Nhật Bản và khắp ASEAN. Điều đáng khích lệ hơn là tâm lý trên mức trung bình ở châu Âu.

III. Các nền kinh tế lớn

3.1. Trung Quốc tăng trưởng kinh tế chậm dần

Tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2025 khoảng 5% nhưng chậm dần do nền kinh tế tái cấu trúc và sức cầu yếu. Để cải thiện tình hình này, ngày 19/1/2026, PBOC đã giảm 25 điểm cơ bản lãi suất cho vay chính sách (lãi suất trung hạn xuống 1,8%; dài hạn 2,9%). PBOC cũng tuyên bố còn dư địa điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản và tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong năm 2026.

Trong năm 2025, Trung Quốc đạt xuất siêu kỷ lục khoảng 1.190 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tháng 12 tăng 6,6%, nhập khẩu tăng 5,7% so với cùng kỳ.

3.2. Kinh tế Mỹ tiếp tục mở rộng

Nền tảng để nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục được củng cố với thị trường lao động bền vững; lạm phát về 2,7%, vẫn trên mức mục tiêu 2%. Fed đã giữ nguyên lãi suất tham chiếu ở 3,50–3,75% trong cuộc họp cuối tháng 1/2026 và cho biết cần quan sát thêm dữ liệu trước khi điều chỉnh. Theo IMF, Mỹ có thể đạt ,ức tăng trưởng 2,4% trong năm 2026.

3.3. Kinh tế Nhật Bản hồi phục ổn định

Kinh tế tăng trưởng chậm nhưng ổn định, lạm phát khoảng 3–4%. BOJ ngày 22–23/1/2026 giữ lãi suất liên NH ngắn hạn 0,75% (giá mục tiêu lợi suất trái phiếu 10 năm +/- 0,5%) nhưng các nhà hoạch định chính sách tiền tệ Nhật Bản lo ngại lạm phát có thể “bị kẹt” cao do đồng Yên yếu và giá nhập khẩu tăng, nên nhiều ý kiến ủng hộ tăng lãi suất sớm (trong quý II/2026). Dự báo niềm tin doanh nghiệp có thể cải thiện khi nền kinh tế thế giới dần ổn định.

3.4. Kinh tế khu vực EURO hồi phục nhanh hơn dự báo

Kinh tế tăng trưởng 0,3% q/q trong quý IV/2025 (tăng 1,3% so năm trước), cao hơn dự đoán nhờ tiêu dùng và đầu tư gia tăng. Tây Ban Nha là động lực chính, Đức cũng đạt +0,3% q/q, vượt dự báo. Lạm phát dần ổn định gần mục tiêu 2%, nhờ giá năng lượng giảm phần nào. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) giữ nguyên lãi suất chuẩn (khoảng 2%) tại cuối 2025 và vẫn kiên nhẫn chờ đợi, tránh để lộ xu hướng nới lỏng sớm.

3.5. Khu vực ASEAN giữ đà tăng trưởng

Ngành sản xuất ASEAN tiếp tục kết quả hoạt động ấn tượng đạt được trong quý cuối năm ngoái sang tháng đầu năm 2026.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất ASEAN của S&P Global đã tăng nhẹ so với mức 52,7 của tháng 12, đạt 52,8 trong tháng 1/2026, cho thấy thêm một tháng cải thiện mạnh mẽ các điều kiện hoạt động trong khu vực ASEAN. Sức khỏe ngành sản xuất đến nay đã cải thiện trong suốt các tháng kể từ tháng 7/2025. Số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh và các công ty vẫn tăng cường hoạt động mua hàng. Việc làm tăng nhẹ, kéo chuỗi tăng trưởng việc làm dài nhất kể từ năm 2018.

Về giá cả, tốc độ tăng chi phí đầu vào nhanh hơn trong tháng 1, gần đến mức trung bình dài hạn. Gánh nặng chi phí tăng có thể khiến các công ty phải tăng giá bán hàng.

Khi đánh giá triển vọng sản lượng trong năm 2026, các nhà sản xuất ASEAN vẫn giữ thái độ lạc quan trong tháng 1/2026. Mức độ lạc quan chung đã tăng lên thành mức cao nhất trong 33 tháng.

IV. Chính sách tiền tệ các nền kinh tế lớn

Trong bối cảnh lạm phát dần hạ nhiệt và thị trường lao động cho thấy dấu hiệu yếu đi, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã chính thức khởi động chu kỳ cắt giảm lãi suất nhiều lần cuối năm 2025, đưa lãi suất xuống khoảng 3,50%-3,75% sau đợt quyết định tháng 10/12/2025. Việc cắt giảm phản ánh mong muốn hỗ trợ tăng trưởng kinh tế giữa nguy cơ suy thoái gia tăng và lực cầu giảm.

Tuy nhiên, Fed vẫn thận trọng trong hoạch định lộ trình tiếp theo do có sự bất đồng trong nội bộ Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) và dữ liệu kinh tế tương đối mâu thuẫn. Đồng USD đã bị áp lực điều chỉnh giảm gần đây sau động thái giảm lãi suất này.

Ngân hàng trung ương	Mức lãi suất chủ đạo (tháng 12/2025–1/2026)	Lập trường chính sách	Yếu tố thúc đẩy quyết định
Fed (Mỹ)	3,50%–3,75%	Hạ lãi suất – hỗ trợ tăng trưởng	Lạm phát giảm, thị trường lao động yếu, nguy cơ suy thoái
ECB (Eurozone)	2,00%	Giữ nguyên thận trọng	Lạm phát gần mục tiêu, rủi ro toàn cầu
BOJ (Nhật Bản)	0,75%	Siết chặt – đẩy lên mức cao nhất 30 năm	Lạm phát trên mục tiêu, yên yếu, chi phí nhập khẩu
PBoC (Trung Quốc)	LPR 1 năm 3,0%; LPR 5 năm 3,5%	Ổn định – hỗ trợ tăng trưởng	Tăng trưởng chậm, bất động sản trì trệ
BOE (Anh)	3,75%	Giữ nguyên – cân nhắc nới lỏng	Áp lực lạm phát về mục tiêu, việc làm suy yếu

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục giữ lãi suất ổn định ở mức 2,0%, dù lạm phát trong khu vực Eurozone mới đây giảm nhẹ dưới mục tiêu 2%. Theo các nhà hoạch định chính sách, mức lãi suất hiện tại vẫn phù hợp với ổn định giá cả trung hạn, và ECB sẽ chỉ điều chỉnh nếu lạm phát kỳ vọng hay xu hướng dài hạn lệch khỏi mục tiêu. Lập trường này phản ánh sự thận trọng đối với triển vọng tăng trưởng không đồng đều và rủi ro toàn cầu từ thương mại và địa chính trị.

Ngân hàng trung ương Nhật Bản (BOJ) đã chuyển sang giai đoạn thắt chặt chính sách tiền tệ sau nhiều năm duy trì lãi suất siêu thấp, lần đầu tiên tăng lãi suất trong hơn 30 năm vào tháng 12/2025, lên khoảng 0,75%. Quyết định này nhằm đối phó với lạm phát đang duy trì trên mục tiêu và áp lực chi phí nhập khẩu do yên yếu. BOJ giữ quan điểm cân trọng với việc tiếp tục tăng lãi suất trong tương lai, trong khi nền kinh tế Nhật Bản vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức như dân số già và tăng trưởng yếu.

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) theo xu hướng giữ ổn định lãi suất chính sách (LPR), phản ánh cố gắng duy trì bộ đỡ tăng trưởng giữa kinh tế nội địa còn nhiều áp lực (tăng trưởng chậm, bất động sản trì trệ). NHTW này duy trì các lãi suất khoản vay chính như LPR 1 năm 3,0% và LPR 5 năm 3,5%, đồng thời tiếp tục các biện pháp nhằm hỗ trợ tín dụng và ổn định thị trường tài chính. Ngoài ra, PBoC tăng cường kiểm soát rủi ro tài sản kỹ thuật số và đa dạng hoá dự trữ ngoại hối.

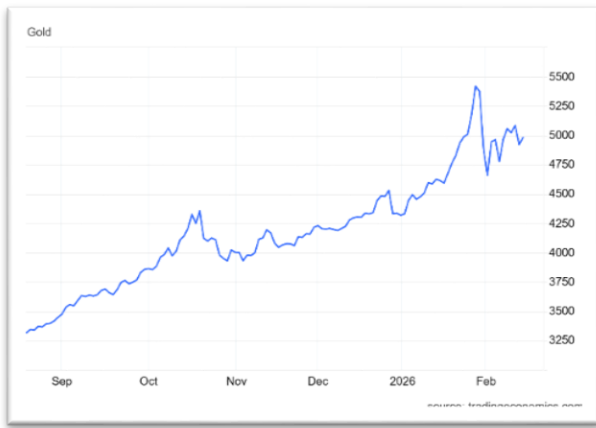
Có thể thấy, các NHTW lớn đang đối mặt với bối cảnh toàn cầu phức tạp — từ lạm phát (dù đang ở trạng thái gần mức mục tiêu), tăng trưởng không đồng đều, đến rủi ro địa chính trị và thị trường tài chính toàn cầu biến động. Do đó, hầu hết đều giữ lập trường chính sách thận trọng, phối hợp giữa ổn định giá cả và hỗ trợ tăng trưởng trong giai đoạn chuyển tiếp này.

V. Thị trường hàng hóa toàn cầu

5.1. Thị trường vàng và kim loại công nghiệp

Giá vàng thế giới tăng mạnh trong tháng 1, lập kỷ lục mới, xác lập đỉnh lịch sử mới vượt mốc 5.400 USD/ounce (kỷ lục đạt đến 5.418,39 USD/ounce vào ngày 29/01/2026). Đà tăng này được thúc đẩy bởi hoạt động mua vào mạnh mẽ của các ngân hàng trung ương, dòng tiền đầu tư theo xu hướng và nhu cầu trú ẩn an toàn.

Biến động giá vàng trong vòng 6 tháng qua



Tính từ đầu năm 2026, giá vàng trong tháng 1/2026 đã tăng gần 18%, giá vàng duy trì ở mức cao so với mặt bằng trong trung hạn, phản ánh tâm lý bất ổn của thị trường trước việc Fed tạm dừng cắt giảm lãi suất và dòng mua của các quỹ ETF quốc tế và bất ổn địa chính trị tiếp diễn.

Giá kim loại công nghiệp biến động theo xu hướng cầu sản xuất và chuỗi cung ứng thế giới. Trong đó, giá đồng, quặng sắt, thép tăng nhẹ do nhu cầu xây dựng và sản xuất toàn cầu phục hồi chậm. Tuy nhiên, dư cung của các kim loại cơ bản vẫn ở mức cao, được hỗ trợ bởi sản lượng mới từ mỏ và khoáng sản tái chế. Nhìn chung, giá hàng hóa (kim loại, năng lượng, lương thực) đang ở mức thấp hơn đỉnh năm 2022 nhưng có xu hướng tăng dần từ cuối năm 2025.

5.2. Dầu mỏ và Năng lượng

Dầu Brent và WTI chịu tác động bởi yếu tố địa-chính trị và dữ liệu tồn kho dầu thô, cho thấy giá ổn định ở mức tương đối cao trong tháng đầu năm. Giá dầu Brent đầu tháng 2/2026 quanh 65 USD/thùng. IEA dự báo quý 1/2026 dầu sẽ thặng dư lớn (4,25 triệu thùng/ngày) bởi nguồn cung tăng nhanh (OPEC+ tăng sản lượng, sản lượng Mỹ, Brazil cao kỷ lục). Tuy nhiên, các yếu tố địa chính trị (căng thẳng Iran – Mỹ, khủng hoảng Venezuela) có thể đẩy giá lên tạm thời. OPEC+ hiện tạm dừng gia tăng sản lượng và dự báo nhu cầu thế giới 2026 tăng chậm (khoảng +1,4 triệu thùng/ngày).



5.3. Lương thực và nông sản

Chỉ số Giá lương thực toàn cầu của FAO tháng 1/2026 giảm tháng thứ 5 liên tiếp, đạt trung bình 123,9 điểm, giảm 0,4% so tháng 12/2025 và giảm 0,6% so cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là giá sữa, thịt lợn và đường giảm do nguồn cung dồi dào. Trong khi đó, giá ngũ cốc và dầu thực vật chỉ tăng nhẹ (dầu cọ tăng do thiếu hụt mùa vụ ở Đông Nam Á). Diễn biến này giúp kiềm chế áp lực lạm phát toàn cầu, nhất là tại các nước nhập khẩu lương thực lớn.

VI. Một số nhận định sơ bộ

Kinh tế toàn cầu đầu năm 2026 tiếp tục phục hồi nhưng ở tốc độ chậm và không đồng đều. Lạm phát giảm nhẹ, tuy nhiên rủi ro suy thoái toàn cầu vẫn hiện hữu do bất ổn địa chính trị, căng thẳng thương mại và chu kỳ thất chặt tín dụng. Do đó, chính phủ và doanh nghiệp cần theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế thế giới – đặc biệt là các chính sách thuế quan và đầu tư công nghệ – để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, đầu tư.

Đối với chính sách tiền tệ, việc cân bằng giữa ổn định giá cả và hỗ trợ tăng trưởng đang là ưu tiên; cần cảnh giác trước khả năng Fed/ECB thay đổi định hướng nếu lạm phát tăng trở lại.

Tóm lại, nên thận trọng với các số liệu vĩ mô toàn cầu, đồng thời tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại mới và xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng.

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ
TUẦN 1 tháng 2 (02-06/02/2026)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	3.50%-3.75%	3.75%-4.00%	10/12/2025	18/03/2026
ECB	EURO Zone	2.00%	2.25%	05/06/2025	19/03/2026
BOJ	Nhật Bản	0.75%	0.50%	19/12/2025	19/03/2026
PBoC	Tr/Quốc	3.00%	3.10%	20/05/2025	Không T/bảo
RBA	Úc	3.85%	3.60%	03/02/2026	17/03/2026
BoE	Anh	3.75%	4.00%	18/12/2025	19/03/2026
BOK	Hàn Quốc	2.50%	2.75%	29/05/2025	26/02/2026

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % Từ đầu năm	+/_ % năm
EURUSD	1.18147	-0.30%	1.20%	0.63%	14.39%
GBPUSD	1.36090	-0.53%	1.13%	1.11%	9.83%
AUDUSD	0.70131	0.78%	4.35%	5.10%	11.78%
USDJPY	157.219	1.57%	0.29%	0.30%	3.82%
USDCNY	6.93123	-0.42%	-0.89%	-0.65%	-5.11%
USDCAD	1.36746	0.47%	-1.34%	-0.34%	-4.34%
USDKRW	1463.56	0.88%	1.03%	1.59%	0.59%
DXY	97.633	0.66%	-1.07%	-0.70%	-9.63%
USDSGD	1.27153	-0.15%	-0.83%	-1.14%	-6.21%

Lợi tức trái phiếu chính phủ một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm
United States	4.2170	-0.02%	0.06%	0.05%	-0.28%
United Kingdom	4.5133	-0.02%	0.10%	0.03%	0.03%
Japan	2.2343	-0.02%	0.11%	0.16%	0.93%
Australia	4.8120	0.01%	0.06%	0.05%	0.47%
Germany	2.8476	0.00%	0.04%	-0.01%	0.47%
China	1.8070	0.00%	-0.06%	-0.06%	0.19%
South Korea	3.7250	0.15%	0.37%	0.34%	0.91%
Vietnam	4.2220	0.04%	0.00%	0.04%	1.09%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 tuần	+/_ % 1 tháng	+/_ % sv đầu năm	+/_ % sv 1 năm	+/_ % sv 3 năm
Dow Jones	+2.47%	+2.50%	+1.24%	+4.27%	+13.12%
S&P 500	+1.97%	-0.10%	-0.49%	+1.27%	+15.04%
Nasdaq	+2.18%	-1.84%	-2.70%	-0.91%	+17.97%
DAX	+0.94%	+0.74%	-2.14%	+0.94%	+13.47%
FTSE 100	+0.59%	+1.43%	+2.42%	+4.41%	+19.19%
Nikkei 225	+0.81%	+1.16%	+4.45%	+7.78%	+39.88%
Shanghai	-0.25%	-1.27%	-1.33%	+2.44%	+23.06%

Thị trường hàng hóa thế giới

1. Năng lượng	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm
Dầu thô USD/Bbl	63.550	-2.55%	13.50%	10.68%	-10.49%
Khí ga USD/MMBtu	3.4220	-21.41%	-2.92%	-7.16%	3.41%
Xăng USD/Gal	1.9508	0.12%	14.71%	14.02%	-7.37%
Than USD/T	116.00	3.80%	8.16%	7.91%	6.47%
2. Kim loại quý					
Vàng USD/t.oz	4968.56	1.67%	11.49%	15.02%	73.76%
Bạc USD/t.oz	77.978	-7.86%	-0.27%	9.43%	145.27%
Lithium CNY/T	134500	-16.20%	0.75%	13.50%	74.00%
Platin SD/t.oz	2099.40	-1.05%	-7.46%	1.42%	110.47%
3. Nông sản	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % từ đầu năm	+/_ % năm trước
Sữa USD/CWT	15.38	5.20%	1.99%	1.05%	-23.52%
Cao su S Cents/Kg	188.10	-1.67%	1.84%	4.56%	-4.42%
Coffee USD/Lbs	294.00	-11.51%	-21.69%	-15.70%	-28.60%
Bông USD/Lbs	61.042	-3.37%	-5.87%	-5.02%	-7.14%
Gạo USD/cwt	11.2200	1.72%	10.98%	16.94%	-18.19%
Đường USD/Lbs	14.14	-0.91%	-5.61%	-5.80%	-26.70%
Chè INR/Kgs	153.96	-3.97%	-17.98%	-16.00%	5.44%

4. Khoáng sản- Nông sản	Giá	+/_ % tuần	+/_ % tháng	+/_ % Từ đầu năm	+/_ % năm
Đồng USD/Lbs	5.8820	-0.71%	0.37%	3.52%	28.30%
Thép CNY/T	3055.00	-1.83%	-3.26%	-1.32%	-6.86%
Quặng sắt \$/T	761.00	-3.67%	-7.70%	-3.61%	-7.31%
Chì USD/T	1964.23	-1.88%	-4.61%	-2.04%	-1.70%
Nhôm USD/T	3111.65	-0.19%	0.81%	3.86%	17.97%
Thiếc USD/T	46458	-15.66%	4.34%	14.55%	49.85%
Kẽm USD/T	3365.05	-0.84%	5.98%	7.80%	18.09%
Nikel USD/T	17235	-1.82%	-2.38%	2.90%	9.50%

5. Nông sản – Thủy sản		Giá tuần này	Giá tuần trước	Ghi chú
Tiêu US\$/kg	Indonesia – Black Pepper	6,720	6,647	
	Brazil Black - Pepper	6,100	6,000	
	Ấn Độ - Garbled/Ungarbled	7,130 6,930	7,130 6,930	
Điều US\$/kg	Kunming/ Trung Quốc	1,340	1,335	
	Kolar/Ấn Độ	1,375	1,385	
Cá da trơn	Vietnam (US\$/kg)	1,640	1,685	
	Thái Lan (US\$/kg)	1,450	1,880	
Tôm chân trắng US\$/kg 30 con	Pradesh (Ấn Độ)	4,460	4,485	
	Đông Java (Indonesia)	4,440	4,450	

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing/ Tridge.com/ Ipscnet.org/giacaphe.vn/Vasep.com.vn; 08/02/2026

B. KINH TẾ -TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG TRONG NƯỚC

I. Diễn biến kinh tế tháng 1/2026

GDP quý IV/2025 tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước - mức cao nhất trong giai đoạn 2011–2025 và mức GDP cả năm 2025 tăng 8,02% - cũng là mức cao so với nhiều nền kinh tế trong khu vực và đây là nền tảng vững chắc, tạo đà cho hoạt động sản xuất, thương mại và đầu tư bùng nổ mạnh mẽ trong những tháng đầu năm mới 2026.

1. Kinh tế Việt Nam khởi đầu năm với tăng trưởng cao và có nhiều điểm sáng

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 1 tăng 21,5% so cùng kỳ (do cùng kỳ năm trước thấp, có Tết kéo dài), tuy nhiên giảm nhẹ 0,2% so tháng 12/2025.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 tăng 0,05% so tháng trước nhưng chỉ tăng 2,53% so cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu (<4%). CPI lõi tăng 3,19% (nguyên nhân do giá lương thực, năng lượng giảm).

Tiêu dùng tăng trở lại sau Tết: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 1/2026 tăng 9,3% so năm trước, tập trung vào nhóm thực phẩm, đồ uống và ô tô.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ THÁNG 01/2026 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)	
Chỉ số sản xuất công nghiệp	21,5%
Khách quốc tế đến Việt Nam	18,5%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	9,3%
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước	19,3%
Chỉ số giá tiêu dùng	2,53%
Lạm phát cơ bản	3,19%

Nguồn: nso.gov.vn

Xuất khẩu tháng 1 đạt gần 43,20 tỷ USD (tăng gần 30% yoy) và nhập khẩu đạt khoảng 45 tỷ USD (tăng trên 49% yoy). Cán cân thương mại thâm hụt khoảng 1,80 tỷ USD (cùng kỳ 2025 thặng dư 3,17 tỷ). Các thị trường xuất khẩu chủ lực (Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật) đều tăng trưởng khá, trong khi nhập khẩu tăng mạnh ở nhóm máy móc, linh kiện (phục vụ sản xuất) và nguyên phụ liệu.

2. Doanh nghiệp, đầu tư công, FDI:

Trong tháng 1/2026 có 24,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn 180,9 nghìn tỷ VND (tăng 127% về số doanh nghiệp và 92,3% về vốn so cùng kỳ). Ngoài ra, 24,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 146% so tháng trước) sau Tết, (vẫn còn 54,3 nghìn doanh nghiệp tạm ngưng kinh doanh).

Vốn đầu tư công tiếp tục tăng: giải ngân ngân sách Nhà nước tháng 1 đạt 43,1 nghìn tỷ VND (bằng 4,8% kế hoạch năm, tăng 19,3% so cùng kỳ), tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị.

Về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh tính đến 31/01/2026 đạt 2,58 tỷ USD (giảm 40,6% yoy do thời điểm giải ngân lớn của các dự án từ năm trước). Tuy nhiên, vốn thực giải ngân đạt 1,68 tỷ USD, tăng 11,3% so cùng kỳ và là mức cao nhất 5 năm đầu năm (cho thấy tín hiệu tích cực về đầu tư duy trì). Trong đó, ngành chế biến – chế tạo vẫn chiếm tỷ trọng lớn (xấp xỉ 70% vốn đăng ký mới) và có thêm nhiều dự án quy mô lớn được triển khai.

II. Thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng tháng 1/2026

2.1. Thị trường tiền tệ & lãi suất

Thị trường tiền tệ Việt Nam trong giai đoạn đầu năm 2026 ghi nhận diễn biến sôi động với biến động mạnh của lãi suất liên ngân hàng, phản ánh trạng thái thanh khoản hệ thống chịu áp lực trước những yếu tố mùa vụ và kỳ vọng tăng trưởng tín dụng–huy động vốn.

Trong giai đoạn cuối tháng 12/2025 – đầu tháng 1/2026, lãi suất liên ngân hàng bằng VND đã có những dao động lớn. Ngày 31/12/2025, lãi suất qua đêm bất ngờ tăng mạnh từ vùng thấp và có thời điểm lên tới khoảng 8,7%/năm trước kỳ nghỉ Tết Dương lịch do áp lực cân đối vốn ngắn hạn tăng cao khi nhiều khoản thanh toán tập trung vào cuối năm.

Ngay trong tuần đầu tháng 1/2026, thanh khoản hệ thống được cải thiện sau các phiên bơm vốn ròng, khiến lãi suất VND liên ngân hàng ở các kỳ hạn từ qua đêm đến một tháng giảm sâu, với mức qua đêm chỉ còn khoảng 3,6%/năm, kỳ hạn một tuần 4,3%/năm, hai tuần 5,1%/năm và một tháng 6,3%/năm vào ngày 8/1/2026. Điều này phản ánh nguồn vốn ngắn hạn được bù đắp sau giai đoạn căng thẳng cuối năm cũ.

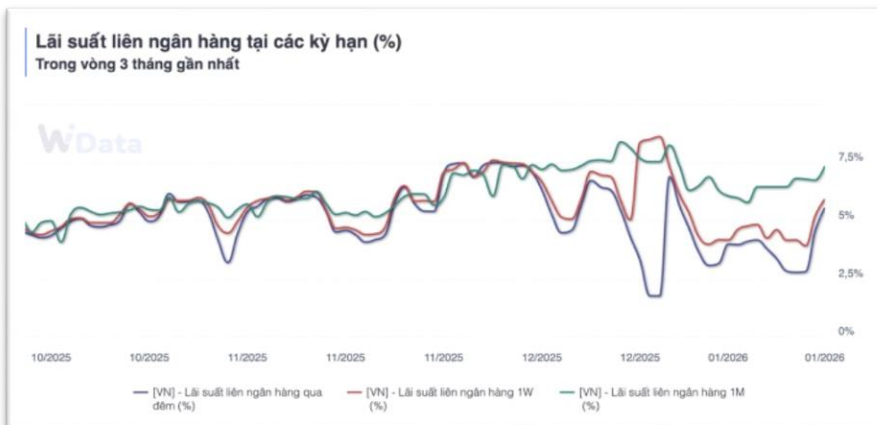
Trong tuần từ 12–16/1, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục hút ròng thanh khoản khoảng 29.898 tỷ đồng, đồng thời cho vay qua kênh cầm cố giấy tờ có giá với lãi suất 4,5%/năm. Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất qua đêm dao động từ 3,97%–4,17%/năm, tương ứng kỳ hạn 1 tuần 4,83%, 2 tuần 5,17% và một tháng 6,45%/năm vào ngày 15/1/2026.

Tính chung cả tháng 1, NHNN đã hút ròng hơn 88.200 tỷ đồng trên kênh thị trường mở, kết thúc chuỗi bơm ròng kéo dài nhiều tháng cuối năm 2025. Thanh khoản hệ thống thắt lại đã góp phần kéo lãi suất qua đêm bình quân trong tháng giảm theo xu hướng ổn định, có thời điểm xuống chỉ còn khoảng 2,6%.

Tuy nhiên, sang đầu tháng 2, thị trường liên ngân hàng lại ghi nhận diễn biến cực kỳ bất thường. Ngày 3/2/2026, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm bùng nổ lên mức khoảng 17%/năm – cao nhất trong nhiều năm gần đây – trong bối cảnh thanh khoản ngắn hạn thắt chặt mạnh do nhu cầu tiền mặt tăng liên quan nhu cầu chi trả và chuẩn bị cho kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Cùng ngày, kỳ hạn 1 tuần giao dịch ở mức cao khoảng 15%/năm, kỳ hạn một tháng khoảng 9,5%/năm.

Một số báo cáo thị trường cho rằng có phiên giao dịch còn ghi nhận lãi suất qua đêm diễn ra quanh mức 21%, phản ánh đỉnh kỷ lục giao dịch trong điều kiện thanh khoản căng thẳng.

Biến động lãi suất liên ngân hàng (10/2025 - 01/2026, Nguồn: Widata)



Ngay sau đó, NHNN can thiệp mạnh mẽ bằng nhiều công cụ điều hành. Trong các phiên 4–5/2, NHNN chủ động bơm ròng tổng cộng hơn 159.000 tỷ đồng qua kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá (OMO) và triển khai hoán đổi ngoại tệ USD/VND để bổ sung thanh khoản VND vào hệ thống. Kết quả, lãi suất liên ngân hàng sau đó nhanh chóng hạ nhiệt, với lãi suất qua đêm giảm về mức 8,6–10%, kỳ hạn 1 tuần gần 8,8–9,75% và kỳ hạn 2 tuần là 8,9%, một tháng 8,28%/năm.

Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng tăng cao, nhiều ngân hàng thương mại cũng điều chỉnh lãi suất huy động để thu hút vốn. Khảo sát trên thị trường cho thấy, một số ngân hàng tư nhân đã đưa lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng

lên trên 7%/năm, trong khi các ngân hàng lớn cũng điều chỉnh nhẹ lãi suất huy động nhằm tăng hấp dẫn tiền gửi trước Tết. Trong xu hướng tăng lãi suất huy động để đón vốn dịp Tết, nhiều ngân hàng (OCB, Bac A, PGBank...) niêm yết lãi suất trên 7%/năm. Cá biệt có mức 8-9% cho số dư tiền gửi khối lượng lớn.

Đợt biến động mạnh và bất ngờ của lãi suất liên ngân hàng này được nhiều bên cho rằng mang tính kỹ thuật, thời vụ và do 03 nhóm nguyên nhân chính:

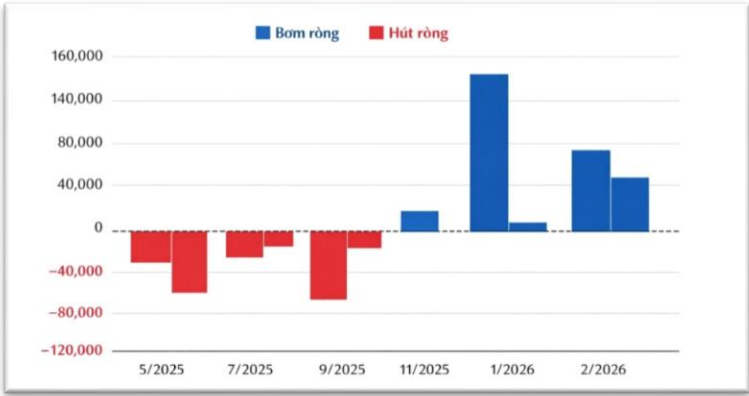
- (i) Thanh khoản nội tại hệ thống bị thắt lại do chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn. Cuối năm 2025, tăng trưởng tín dụng cao hơn huy động đáng kể, khiến tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) tăng lên và buộc các ngân hàng phải tích cực huy động vốn để cân đối thanh khoản ngắn hạn.
- (ii) Yếu tố mùa vụ trước Tết Nguyên đán khiến nhu cầu rút tiền mặt tăng mạnh, dòng tiền chuyển dịch khỏi hệ thống ngân hàng để phục vụ chi tiêu, thanh toán cuối kỳ hạn và trả thuế, làm lượng vốn VND ngắn hạn trong hệ thống giảm đột ngột. Điều này gây biến động mạnh ở các kỳ hạn cực ngắn như qua đêm và 1 tuần.
- (iii) Đặc thù thị trường liên ngân hàng – lãi suất qua đêm, khả năng dao động lớn do quy mô giao dịch mỏng và nhạy cảm với lệch pha cung – cầu vốn ngắn hạn.

Động thái điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Để điều tiết và kiểm soát những biến động này, NHNN đã thực thi đồng thời nhiều công cụ:

- (i) Bom rỗng VND qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) bằng cho vay cầm cố giấy tờ có giá tại lãi suất trần 4,5%/năm.
- (ii) Sử dụng hoán đổi ngoại tệ (USD/VND swap), giúp bổ sung VND thanh khoản cho hệ thống trong giai đoạn nhu cầu ngắn hạn tăng cao.
- (iii) Quản lý tỷ giá và giám sát dòng tiền nhằm giữ ổn định thanh khoản tổng thể, tránh lan rộng căng thẳng sang các thị trường khác.

Bom hút rỗng của NHNN qua kênh OMO (tỷ đồng)



Sau khi liên tục hút rỗng trong ba tuần đầu tháng 1/2026, Ngân hàng Nhà nước đã quay trở lại bơm rỗng hơn 46,3 nghìn tỷ đồng trong tuần 26 - 30/01/2026, trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng qua đêm bắt đầu có dấu hiệu tăng trở lại. Tính chung cả tháng 1/2026, Ngân hàng Nhà nước hút rỗng hơn 88,2 nghìn tỷ đồng, qua đó kết thúc chuỗi bốn tháng bơm rỗng liên tiếp kể từ tháng 9/2025. Diễn biến này đưa tổng lượng lưu hành trên kênh thị trường mở về gần mức 321,1 nghìn tỷ đồng.

Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống chịu tác động trực tiếp từ hoạt động hút rỗng của NHNN, diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cũng có sự điều chỉnh rõ nét trong tháng 1/2026. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng qua đêm duy trì xu hướng giảm ổn định trong ba tuần đầu tháng. Đến 22/1, lãi suất qua đêm đã giảm hơn 5 điểm phần trăm so với đầu tháng, xuống mức 2,6%.

Theo giới phân tích, triển vọng thanh khoản trong quý I/2026 sẽ được hỗ trợ bởi một số yếu tố chính:

- (i) Áp lực thanh khoản xuất phát từ tác động mang tính mùa vụ tạm thời của dòng tiền Kho bạc Nhà nước sẽ giảm đi. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố có khả năng đảo chiều tương đối nhanh khi tốc độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh trước chỉ đạo quyết liệt từ Thủ tướng Chính phủ;
- (ii) Kỳ giải ngân vốn đầu tư công của năm trước được tính đến hết tháng 1 năm nay, tốc độ giải ngân tiếp tục được thúc đẩy trong tháng đầu tiên của năm 2026 do đó một lượng lớn tiền của Kho bạc Nhà nước sẽ quay

trở lại hệ thống ngân hàng thương mại thông qua thanh toán cho các đơn vị cung ứng vật tư và các nhà thầu xây dựng...

2.2. Tín dụng tháng 1/2026 và mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026

Theo khảo sát của NHNN, trong 6 tháng đầu năm 2026 và cả năm 2026, nhu cầu tín dụng được kỳ vọng “tăng” đối với tất cả các lĩnh vực, đối tượng, loại tiền và kỳ hạn, trong đó nhu cầu tín dụng của khách hàng doanh nghiệp được dự kiến “tăng” cao hơn so với khách hàng cá nhân; nhu cầu tín dụng của các khoản vay ngắn hạn được dự báo “tăng” cao hơn so với khoản vay trung và dài hạn, nhu cầu vay vốn VNĐ tiếp tục được dự báo “tăng” cao hơn nhu cầu vay vốn ngoại tệ.

Xu hướng “nới lỏng” nhẹ tiêu chuẩn tín dụng được các TCTD dự kiến tiếp tục diễn ra trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2026, áp dụng đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp và hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên gồm “Tín dụng xanh”, “Công nghiệp chế biến chế tạo”, “Đầu tư ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ”, “Phát triển nông, lâm, thủy sản”, “Kinh doanh xuất nhập khẩu” và các lĩnh vực khác như: “Mua nhà ở, thuê, thuê mua nhà ở”, “Đầu tư ngành vận tải, kho bãi (bao gồm dịch vụ logistic)”...

Tháng đầu năm 2026, xu thế tăng trưởng tín dụng thường dao động ở mức thấp hơn so với tăng trưởng cả năm do yếu tố chu kỳ sản xuất – kinh doanh mới khởi động sau kỳ nghỉ Tết và các ngân hàng thường thận trọng hơn trước khi triển khai cho vay rộng rãi.

Thực tế, tăng trưởng dư nợ tín dụng toàn hệ thống đến cuối năm 2025 đạt mức cao, với quy mô dư nợ tăng khoảng 17,87 % so với đầu năm và khoảng 19,4 % so với cùng kỳ 2024, đưa tổng dư nợ lên khoảng 18,4 triệu tỷ đồng. Như vậy, so với các năm gần đây, năm 2025 ghi nhận một trong những năm có mức tăng trưởng tín dụng mạnh nhất trong nhiều năm, tạo nền tảng vốn dồi dào cho hoạt động sản xuất và đầu tư.

Dữ liệu chi tiết từng ngành như xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ hoặc doanh nghiệp công nghệ cao theo tháng 1/2026 chưa được NHNN công bố riêng trong tháng đầu năm nhưng theo các báo cáo phân tích, tín dụng cho các phân khúc ưu tiên thường tăng nhanh hơn mức trung bình khi chính sách tín dụng được điều chỉnh theo từng giai đoạn nhằm hỗ trợ sản xuất – kinh doanh.

Về cơ cấu tín dụng theo thời gian, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế thường tập trung ở các khoản vay trung và dài hạn cho sản xuất, xây dựng cơ bản, bất động sản và dịch vụ thương mại. Thị trường tín dụng đầu năm 2026 phản ánh sự thận trọng hơn trong việc phân bổ vốn ngay từ đầu năm, nhằm tránh tăng nóng và giảm thiểu rủi ro nợ xấu khi mặt bằng lãi suất và thanh khoản có biến động. Tiếp tục xu hướng trong năm 2025, đầu năm 2026 cho thấy nhiều ngân hàng thương mại tăng cường cho vay đối với các khách hàng sản xuất – kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, cũng như các chương trình hỗ trợ sau thiên tai và chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp, đồng thời áp dụng các gói lãi suất ưu đãi để kích cầu.

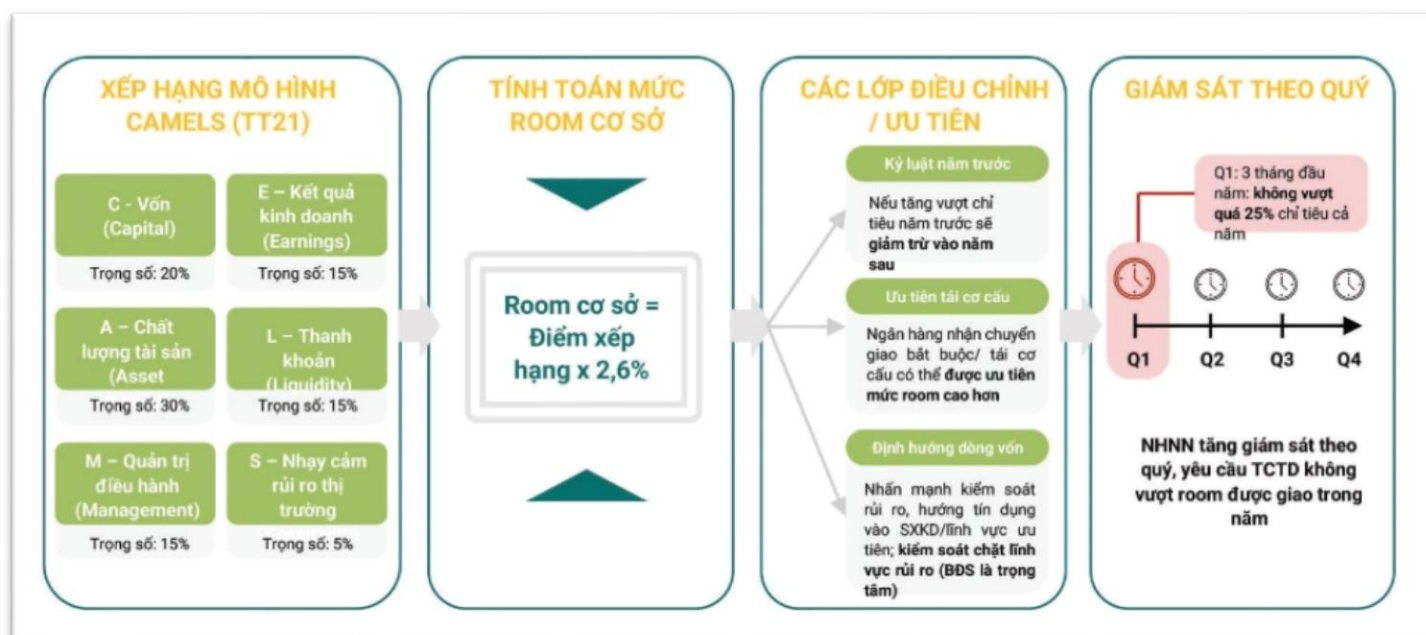
Bước sang năm 2026, NHNN đã điều chỉnh chiến lược điều hành tín dụng nhằm cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm soát rủi ro hệ thống. Theo định hướng chính sách tín dụng của NHNN, mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống năm 2026 được đặt mục tiêu khoảng 15 %, thấp hơn đáng kể so với mức thực tế khoảng 19 % của năm 2025. Mức phân bổ này linh hoạt để phù hợp với diễn biến vĩ mô, kiểm soát lạm phát và an toàn hệ thống.

Theo đó, NHNN đã ban hành công thức giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của tổ chức tín dụng (TCTD) căn cứ kết quả chấm điểm xếp hạng năm 2024 như sau:

Dư nợ tín dụng tối đa đến ngày 31/12/2026 = Dư nợ tín dụng ngày 31/12/2025 + [(Điểm xếp hạng năm 2024 × 2,6%) × (Dư nợ tín dụng ngày 31/12/2025 – Dư nợ tín dụng vượt chỉ tiêu TTTD NHNN thông báo năm 2025 (nếu có))] - Các khoản bán dư nợ tín dụng thực hiện bán trong năm 2026 và chưa thu tiền đến thời điểm tính dư nợ tín dụng (nếu có).

NHNN yêu cầu các TCTD kiểm soát tăng trưởng tín dụng không vượt quá hạn mức nêu trên trong suốt cả năm 2026. Đồng thời, kiểm soát tốc độ tăng tín dụng trong 3 tháng đầu năm 2026 không vượt quá 25% chỉ tiêu cả năm.

Cơ chế phân bổ hạn mức tín dụng theo Thông tư 21/2025/TT-NHNN



Quan điểm điều hành tín dụng của NHNN trong năm 2026 nhấn mạnh hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong khi kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống; theo đó, tăng trưởng tín dụng được phân bổ linh hoạt theo diễn biến thị trường, chú trọng các ngành sản xuất vật chất và hạn chế mở rộng tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như bất động sản.

2.3. Tỷ giá & Ngoại hối

Trong giai đoạn tháng 1 và tuần đầu tháng 2/2026, thị trường ngoại hối Việt Nam diễn biến tương đối ổn định nhưng vẫn chịu ảnh hưởng từ xu hướng tiền tệ toàn cầu, nhu cầu ngoại tệ trong nước và các chính sách điều hành tỷ giá của NHNN.

Diễn biến tỷ giá trong tháng gần đây



Từ đầu năm cho đến đầu tháng 2/2026 (05/01 - 05/02/2026), mức cao nhất quan sát được là 26.317,5 VND/USD, còn thấp nhất khoảng 25.884,0 VND/USD — mức chênh lệch trong tháng hơn 433 đồng/USD cho thấy biến động tỷ giá không lớn nhưng có xu hướng tăng nhẹ vào cuối tháng 1/2026.

Trên thị trường liên ngân hàng và thương mại, tỷ giá niêm yết tại các ngân hàng thương mại thường dao động quanh 26.0–26.3 VND/USD với một số phiên có biến động nhẹ theo cung-cầu từng ngày.

Trên thị trường tự do ghi nhận giá USD cao hơn so với liên ngân hàng tại một số thời điểm, đặc biệt vào những ngày đầu tháng 1.

Về điều hành, NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, thận trọng và ổn định nhằm cân bằng giữa mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm chế áp lực lạm phát (Duy trì biên độ +/-5% với tỷ giá trung tâm, với giá trần và sàn tỷ giá trung tâm tạo khung giao dịch rõ ràng cho thương mại và liên ngân hàng; Giảm nhẹ tỷ giá trung tâm trong tuần đầu tháng 2 (04–06/02, mức giảm khoảng 1–3 đồng mỗi phiên), nhằm hỗ trợ ổn định thị trường liên ngân hàng và giảm áp lực tăng giá USD; Can thiệp thị trường mở, thực hiện hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 21 ngày với các

TCTD (mua USD giao ngay, bán USD kỳ hạn), với khối lượng can thiệp lớn nhằm bổ sung thanh khoản và giảm biến động ngắn hạn cho thị trường ngoại tệ; Điều chỉnh lãi suất điều hành liên ngân hàng giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn cũng góp phần tác động tới cung-cầu vốn và tỷ giá.

Theo các chuyên gia phân tích, diễn biến hút - bơm trên thị trường OMO cùng sự biến động mạnh của lãi suất liên ngân hàng trong tháng 1/2026 cho thấy NHNN đang điều hành chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt và có chọn lọc, ưu tiên kiểm soát thanh khoản ngắn hạn hơn là nói lỏng mặt bằng lãi suất một cách đại trà.

Việc chấp nhận để lãi suất liên ngân hàng biến động trong biên độ rộng, trong bối cảnh tỷ giá hạ nhiệt và áp lực ngoại hối giảm, phản ánh định hướng giữ kỷ luật tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng tín dụng nhưng vẫn bảo toàn ổn định vĩ mô trong giai đoạn đầu năm 2026.

2.4. Kết quả kinh doanh ngân hàng 2025

Cho đến hết tháng 1/2026, các ngân hàng đã lần lượt công bố kết quả kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận bình quân toàn ngành tăng khoảng 19,5%, kéo theo sự mở rộng mạnh mẽ về quy mô tài sản.

Cả hệ thống ghi nhận cuộc đua "nước rút" ngoạn mục về tốc độ tăng tổng tài sản. Nam A Bank trở thành hiện tượng với mức tăng trưởng tài sản thần tốc 70,66%, chính thức gia nhập nhóm quy mô lớn. MB và VPBank cũng khẳng định vị thế với mức tăng lần lượt 43% và 36%. Nhóm Big 4 (BIDV, VietinBank) duy trì đà tăng trưởng bền vững quanh mốc 16-20%, tiếp tục đóng vai trò trụ cột.

Trái ngược với đà tăng tài sản, lợi nhuận lại diễn biến theo mô hình chữ K với bức tranh lợi nhuận có sự phân hóa sâu sắc nhất trong 5 năm qua. Ở chiều bứt phá, ABBank (+344%) và KienlongBank (+109%) gây ấn tượng mạnh nhờ xử lý xong các tồn đọng cũ. Các ngân hàng lớn như VPBank (+53%) hay VietinBank (+37%) hái quả ngọt từ chiến lược bán lẻ và số hóa.

Ngược lại, áp lực trích lập dự phòng rủi ro đã kéo lùi lợi nhuận của Sacombank (-40%) và Eximbank (-64%), phản ánh quyết tâm "làm sạch" bảng cân đối kế toán thay vì chạy theo con số tăng trưởng ngắn hạn.

Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế và tổng tài sản các ngân hàng 2025

TT	Ngân hàng	Mã CK	Tăng trưởng Tài sản (YoY)	Tăng trưởng Lợi nhuận (YoY)
1	BIDV	BID	20.65%	+18%
2	VietinBank	CTG	16.03%	+37%
3	Vietcombank	VCB	17.07%	+4%
4	MB	MBB	43.14%	+19%
5	VPBank	VPB	36.40%	+53%
6	Techcombank	TCB	21.82%	+18%
7	ACB	ACB	18.73%	-7%
8	HDBank	HDB	33.52%	+27%
9	Sacombank	STB	22.60%	-40%
10	SHB	SHB	19.41%	+30%

TT	Ngân hàng	Mã CK	Tăng trưởng Tài sản (YoY)	Tăng trưởng Lợi nhuận (YoY)
11	LPBank	LPB	19.13%	+17%
12	VIB	VIB	12.76%	+1%
13	TPBank	TPB	21.01%	+21%
14	Nam A Bank	NAB	70.66%	+15,6%
15	MSB	MSB	27.34%	+5%
16	SeABank	SSB	21.72%	+13,7%
17	OCB	OCB	15.06%	+25,9%
18	Eximbank	EIB	13.97%	-64%
19	ABBank	ABB	24.76%	+344%
20	VietBank	VBB	20.83%	+35%
21	Bac A Bank	BAB	18.33%	+17%
22	NCB	NCB	38.07%	—
23	VietABank	VAB	17.24%	+49,5%
24	BVBank	BVB	28.50%	+34%
25	Kienlongbank	KLB	12.07%	+109%
26	PGBank	PGB	21.73%	+81%
27	Saigonbank	SGB	6.37%	+52%
28	Agribank	Chưa niêm yết	16.34%	+10%
29	BAOVIET Bank	Chưa niêm yết	21.82%	+3,6%

Nhìn chung, 2025 là năm bản lề khi nhiều ngân hàng quan tâm củng cố bộ đệm rủi ro, sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng mới chất lượng hơn.

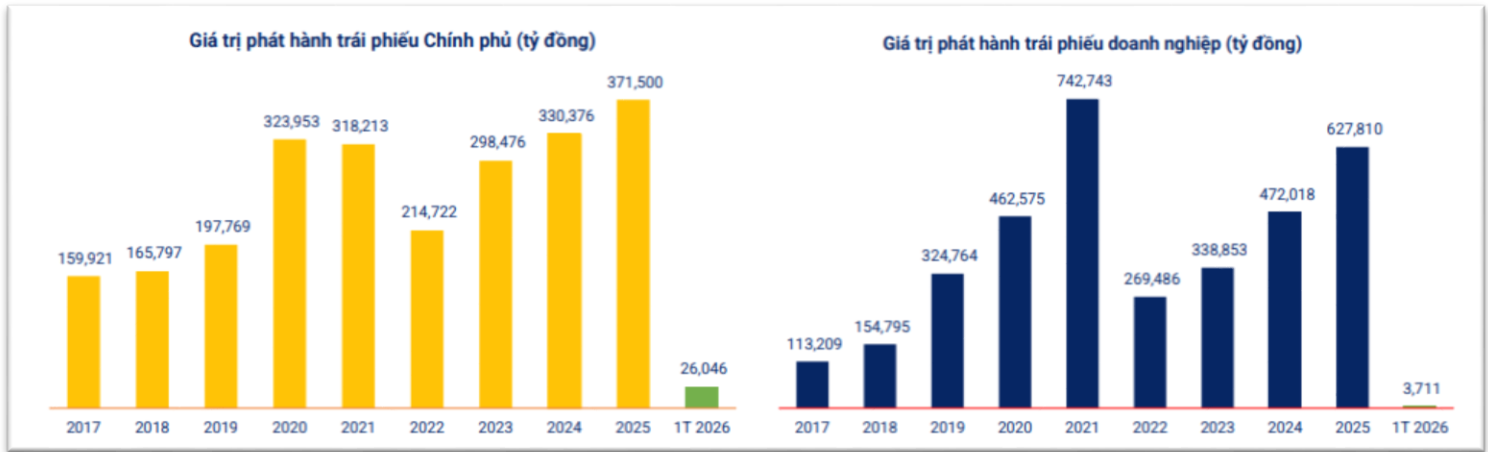
2.5. Thị trường trái phiếu

Bước vào năm 2026, bức tranh thị trường trái phiếu Việt Nam thể hiện sự cân bằng thận trọng giữa nhu cầu huy động vốn của Chính phủ và tín hiệu phục hồi yếu ớt ở phân khúc trái phiếu doanh nghiệp, trong bối cảnh áp lực trái phiếu đáo hạn trong năm vẫn là điểm nhấn đáng chú ý.

(i) Thị trường trái phiếu Chính phủ: huy động ổn định với thanh khoản gia tăng

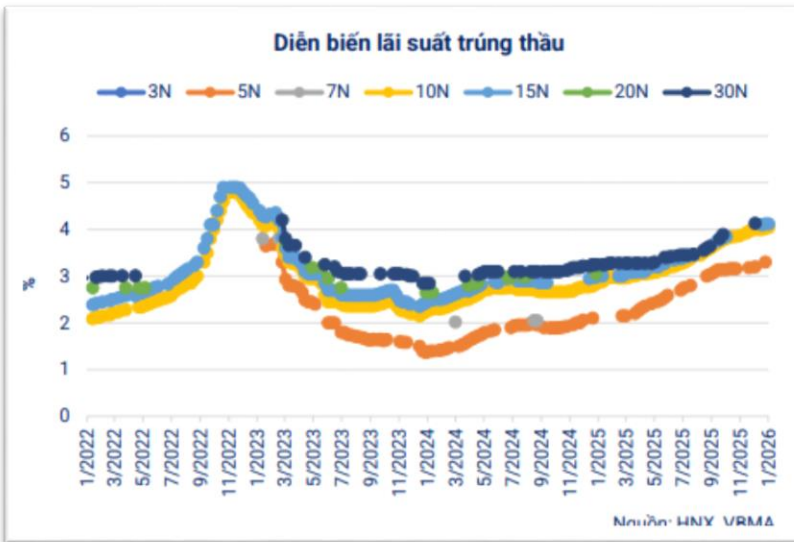
Số liệu từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cho thấy trong tháng 1/2026, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 18 đợt đấu thầu trái phiếu Chính phủ, huy động được 26.046 tỷ đồng vốn mới cho ngân sách nhà nước. Kết quả này tương đương khoảng 24% kế hoạch phát hành quý I và 5,2% kế hoạch cả năm 2026.

Giá trị phát hành trái phiếu trong tháng 1/2026



Nguồn: VBMA

Cơ cấu kỳ hạn: Kỳ hạn 10 năm vẫn chiếm ưu thế áp đảo với tỷ trọng khoảng 95% tổng khối lượng trúng thầu, cho thấy nhu cầu dài hạn của nhà đầu tư đối với trái phiếu lãi suất cố định vẫn lớn.



Lãi suất trúng thầu nhích nhẹ: Lãi suất trúng thầu các kỳ hạn 5 – 15 năm có xu hướng tăng nhẹ so với đầu tháng, phản ánh diễn biến lợi suất trên thị trường sơ cấp đang dịch chuyển theo xu hướng mặt bằng lãi suất tăng.

Thị trường thứ cấp sôi động: Giá trị giao dịch trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp bình quân đạt hơn 17.000 tỷ đồng/phiên, tăng tới 31,4% so với tháng 12/2025, và tổng giá trị niêm yết đạt hơn 2,57 triệu tỷ đồng tại cuối tháng.

Những con số này cho thấy thị trường vẫn thu hút dòng tiền chính thống, dù nhà đầu tư trong nước và quốc tế thận trọng hơn trong bối cảnh

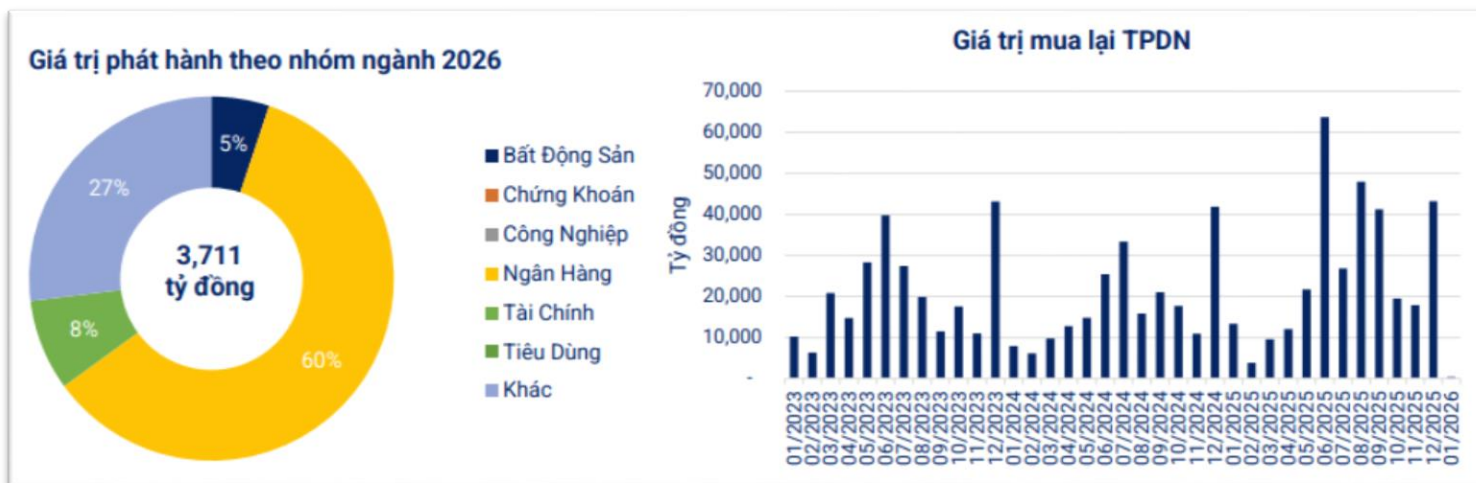
hiệu biến số kinh tế.

(ii) Trái phiếu Doanh nghiệp (TPDN)

Theo Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) tổng hợp từ HNX và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) trong tháng đầu năm chỉ ghi nhận 4 đợt phát hành mới với tổng giá trị chưa đến 3.800 tỷ đồng – một con số khá khiêm tốn so với mặt bằng trước đây.

Một số điểm đáng chú ý:

- Tín hiệu phát hành mới còn yếu:** Tổng khối lượng phát hành TPDN tháng 1/2026 chỉ đạt khoảng 3.711 tỷ đồng, thấp hơn rõ so với phần lớn tháng đầu năm của các năm trước – điều này cho thấy dòng vốn đầu tư vẫn thận trọng sau giai đoạn tái cấu trúc thị trường.
- Mua lại trái phiếu trước hạn:** Các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại trái phiếu với tổng giá trị khoảng 384 tỷ đồng trong tháng, phản ánh nhu cầu tối ưu hóa cơ cấu nợ và quản lý rủi ro dòng tiền.
- Áp lực đáo hạn lớn:** Dữ liệu VBMA dự báo trong năm 2026, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đến hạn thanh toán có thể lên tới gần 200.000 tỷ đồng, với nhóm bất động sản tiếp tục là nhóm chịu áp lực đáo hạn lớn nhất (chiếm hơn 60%).
- So với năm 2025 khi quy mô phát hành TPDN đạt hơn 627.810 tỷ đồng,** phân khúc này bước sang năm mới với động lực phát hành khá chậm lại, dù vẫn có kỳ vọng kích hoạt khi các doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược huy động vốn.



2.6. Thị trường chứng khoán (tháng 1/2026 và tuần 02-06/02/2026)

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu năm 2026 với nhiều diễn biến đáng chú ý và tính chất phân hoá rõ rệt.

Trong tháng 1/2026, chỉ số VN-Index dao động mạnh nhưng vẫn giữ được sắc xanh khi kết thúc tháng, phản ánh dòng tiền chưa rời bỏ hoàn toàn thị trường. Theo dữ liệu từ các công ty chứng khoán, VN-Index đóng cửa tháng 1 quanh vùng 1.829 điểm, tăng khoảng 2,5% so với cuối tháng 12/2025, vẫn ghi nhận thanh khoản cải thiện với dòng tiền duy trì ở mức khá cao. Điều này cho thấy tâm lý đầu tư trong nước vẫn sôi động, dù có sự phân hoá giữa các cổ phiếu lớn và nhóm mid-cap, small-cap.

Tuy nhiên, diễn biến trong tháng cũng ghi nhận xu hướng điều chỉnh lớn vào cuối tháng 1 khi chỉ số rơi vào chuỗi phiên giảm kéo dài, có thời điểm mất hơn 100 điểm trong vòng một tuần giao dịch do áp lực chốt lời mạnh ở nhóm cổ phiếu blue-chip như VIC, VHM, VCB... và khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng trên HoSE. Thanh khoản tổng thể tăng lên trong các phiên điều chỉnh, phần nào thể hiện hoạt động giao dịch quyết liệt hơn dù thị trường chịu áp lực giảm.

Bước sang tuần đầu tháng 2/2026, thị trường chứng khoán bước vào giai đoạn tâm lý thận trọng hơn khi nhà đầu tư chờ kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Bính Ngọ. VN-Index ghi nhận xu hướng giảm điểm và biến động hẹp, với một vài phiên hồi nhẹ nhưng tổng thể vẫn bị ảnh hưởng bởi lực bán, đặc biệt là lực bán từ khối ngoại và tâm lý chốt lời cuối năm. Một số phiên trong tuần đầu tháng 2 cho thấy chỉ số liên tục giảm và khối ngoại bán ròng mạnh trên sàn HoSE, tác động tới nhịp điều chỉnh của thị trường.

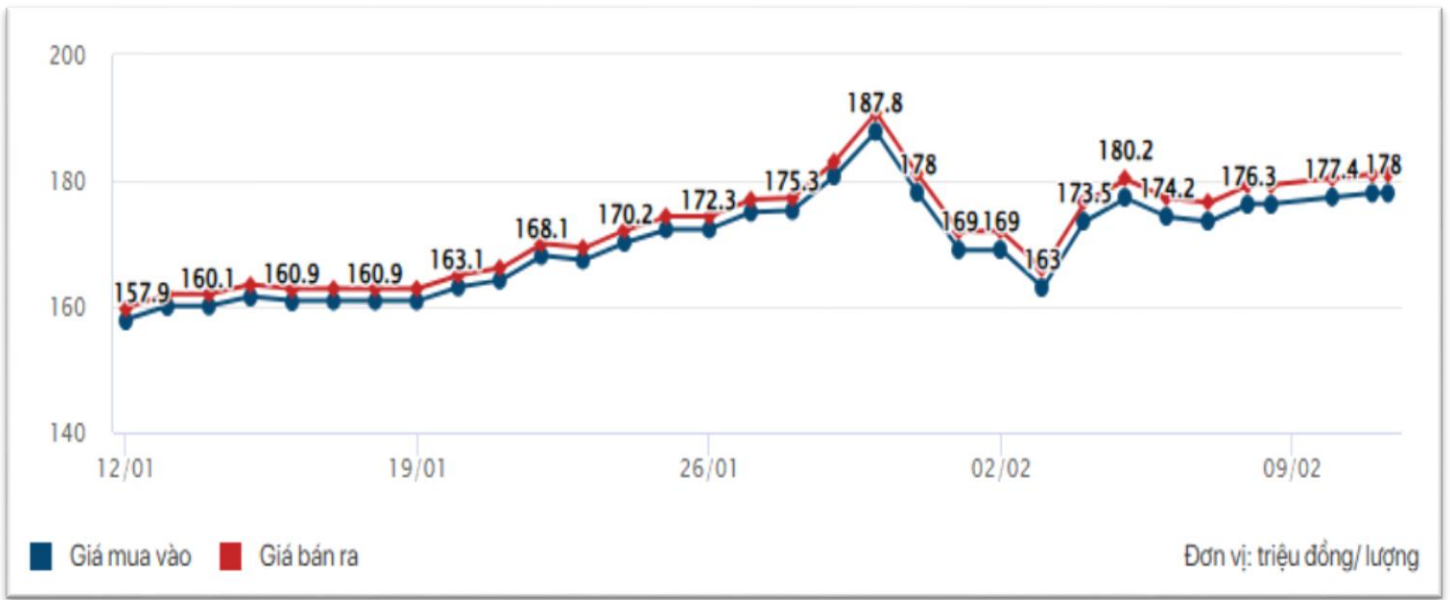
Tâm lý thận trọng thể hiện rõ qua dòng tiền chững lại, lực mua suy yếu và chỉ số dao động trong biên độ hẹp trước khi chính thức nghỉ lễ. Theo một số công ty chứng khoán, VN-Index trong tuần này dao động quanh vùng ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật và thanh khoản giảm đáng kể khi nhà đầu tư chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi trước Tết.

Nhìn chung, tháng 1 kết thúc với sắc xanh nhưng thị trường chịu áp lực điều chỉnh mạnh vào cuối tháng, trong khi tuần đầu tháng 2 ghi nhận tâm lý thận trọng, giảm điểm và thanh khoản đi xuống trước kỳ nghỉ lớn. Hai giai đoạn này phản ánh sự phân hoá mạnh giữa các nhóm cổ phiếu và nhu cầu quản trị rủi ro cao hơn của nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường đang tìm kiếm tín hiệu rõ ràng hơn cho xu hướng tiếp theo.

2.7. Thị trường Vàng

Năm 2026 mở đầu không suôn sẻ cho vàng trong nước: ngày đầu năm mới (1/1/2026), giá vàng SJC và các thương hiệu lớn giảm mạnh so với cuối năm trước, trong bối cảnh giá vàng thế giới cũng chịu áp lực đi xuống ở mức thấp nhất trong nhiều tuần. Trong nước, vàng miếng SJC giao dịch quanh 150–153 triệu đồng/lượng trong khi giá quốc tế quy đổi thấp hơn khá nhiều, tạo ra sự giãn rộng so với giá thế giới.

Diễn biến giá vàng trong nước đầu năm 2026



Nguồn: JSC và tổng hợp

Đến giữa tháng 1, cả thị trường quốc tế và trong nước ghi nhận sự đảo chiều tăng tốc bất ngờ. Giá vàng giao ngay thế giới liên tục phá các mốc cột mốc mới: vượt qua \$5,000/ounce, sau đó tiến đến hơn \$5,200–\$5,300/ounce và đạt đỉnh lịch sử theo nhiều báo cáo thị trường. Thị trường trong nước, phản ứng không kém phần mãnh liệt. Giá vàng miếng SJC vọt lên trên 158–160 triệu đồng/lượng (tgian nào). Nhiều cửa hàng vàng lớn tại Hà Nội và TP. HCM ghi nhận sức mua tăng mạnh, khách hàng xếp hàng đón mua vàng trong thời điểm giá đang tăng nóng.

Nhịp tăng này chủ yếu là do bất ổn địa chính trị và rủi ro kinh tế toàn cầu kéo dài. Đồng thời, áp lực mua vào từ các quỹ ETF và các ngân hàng trung ương cũng đẩy thị trường vàng toàn cầu lên mức cao kỷ lục – một yếu tố nền tảng hỗ trợ giá bền vững trong tháng 1.

Mức chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới



Đến cuối tháng 1, giá vàng toàn cầu ghi nhận một nhịp điều chỉnh mạnh ngay sau khi lập đỉnh, giảm hàng trăm USD/ounce trong vài ngày đầu tháng 2. Điều này phản ánh sự đảo chiều của dòng tiền và áp lực chốt lời sau đợt tăng nóng kỷ lục. Trong nước, diễn biến cũng khá phức tạp. Giá vàng SJC và vàng nhẫn trong nhiều phiên giao dịch đầu tháng 2 biến động nhẹ, thậm chí neo giữ ở mức khoảng 181 triệu đồng/lượng tại một số thương hiệu lớn. Những phiên sáng sớm của tháng 2 còn xuất hiện tình trạng giá thế giới giảm nhẹ, nhưng trong nước không giảm theo, thể hiện sự cố định giá bởi các doanh nghiệp trong nước nhằm ổn định tâm lý thị trường.

Trong hầu hết thời điểm của tháng 1 và đầu tháng 2, diễn biến giá vàng trong nước luôn bám sát xu hướng thế giới, nhưng thường phản ánh tâm lý và yếu tố tâm lý nhà đầu tư nội địa rõ rệt hơn:

Khi giá thế giới tăng mạnh, giá trong nước có xu hướng tăng tương ứng nhưng với độ trễ và biên độ chênh rộng hơn.

Khi giá thế giới điều chỉnh, giá trong nước dường như kháng cự suy giảm trong ngắn hạn, với nhiều thương hiệu duy trì mức giá cao hơn mức tương đương quy đổi quốc tế để bảo toàn biên lợi nhuận và phòng rủi ro.

Điều này là biểu hiện “bất đối xứng phản ứng”: thị trường trong nước thường phản ứng mạnh mẽ với nhịp tăng thành công hơn là với nhịp giảm, cho thấy yếu tố tâm lý và kỳ vọng chi phối mạnh hơn nhu cầu đầu tư thuần túy. Đây cũng là đặc điểm thường thấy của thị trường tài sản có tính an toàn như vàng trong nền kinh tế chịu nhiều biến động.

Thị trường vàng từ đầu năm 2026 đến nay là một chu kỳ tăng nóng – điều chỉnh – ổn định tương đối, với đặc trưng: (i) Thanh khoản cao, biến động mạnh, phản ứng nhanh với tin tức quốc tế, (ii) Tâm lý nhà đầu tư trong nước nhạy cảm, dễ bị ảnh hưởng bởi xu hướng toàn cầu và kỳ vọng lợi nhuận, (iii) Khoảng cách giá trong nước – quốc tế giãn nở theo từng thời điểm, phản ánh rủi ro định giá và chi phí giao dịch.

Thị trường vàng tiếp tục cho thấy biến động mạnh không chỉ là phản ứng giá, mà còn là phản ánh sâu sắc của tâm lý thị trường và kỳ vọng về tương lai kinh tế – chính trị toàn cầu.

V. Thị trường hàng hóa trong nước

Từ đầu năm 2026, thị trường hàng hóa thế giới và Việt Nam ghi nhận nhiều biến động phân hóa rõ nét. Chỉ số MXV-Index, thước đo chung diễn biến giá hàng hóa trên Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, đã trải qua đà hồi phục ban đầu nhưng chịu áp lực tâm lý bán mạnh và lao dốc về vùng quanh ~2.500 điểm trong tuần đầu tháng 2 khi lực bán tăng trở lại và nhóm nguyên liệu gặp khó khăn do dự báo cung dư thừa trên thị trường ngũ cốc toàn cầu.

Chỉ số MXV Index đầu năm 2026

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG	NÔNG SẢN	CÔNG NGHIỆP	KIM LOẠI	MXV INDEX
09/02/2026	1,314.30	2,148.04	3,015.78	2,530.76
06/02/2026	1,315.98	2,132.78	2,915.85	2,495.36
05/02/2026	1,321.61	2,168.30	2,894.61	2,492.42
04/02/2026	1,302.91	2,166.23	3,024.08	2,540.24
03/02/2026	1,288.41	2,201.14	3,051.90	2,532.72
02/02/2026	1,282.17	2,230.98	2,902.00	2,471.04
30/01/2026	1,300.40	2,232.40	2,971.62	2,560.47
29/01/2026	1,300.80	2,290.29	3,544.75	2,758.47
28/01/2026	1,299.67	2,299.17	3,490.19	2,727.73
27/01/2026	1,286.98	2,363.65	3,364.08	2,685.64
26/01/2026	1,284.20	2,325.34	3,525.52	2,732.08
23/01/2026	1,294.55	2,298.27	3,309.33	2,646.95
22/01/2026	1,279.78	2,317.67	3,190.39	2,591.54
21/01/2026	1,272.08	2,311.47	3,133.38	2,574.95
20/01/2026	1,266.66	2,318.61	3,155.29	2,560.46
19/01/2026	1,271.40	2,383.69	3,091.86	2,520.97
16/01/2026	1,271.40	2,383.58	3,074.45	2,516.01
15/01/2026	1,263.40	2,367.50	3,176.41	2,542.68
14/01/2026	1,256.64	2,378.96	3,171.66	2,559.76
13/01/2026	1,251.77	2,405.61	3,082.81	2,529.98
12/01/2026	1,257.43	2,412.42	3,069.08	2,513.17
09/01/2026	1,279.02	2,404.28	2,955.88	2,471.82
08/01/2026	1,276.48	2,503.63	2,863.29	2,445.03
07/01/2026	1,278.54	2,494.97	2,919.84	2,454.83
06/01/2026	1,265.60	2,487.37	3,016.08	2,486.99
05/01/2026	1,270.53	2,461.75	2,908.72	2,457.78
02/01/2026	1,253.76	2,438.29	2,768.12	2,393.70

Nguồn: MXV

Nhóm nông sản mềm, điển hình là cà phê, có giai đoạn tăng điểm vào đầu tháng 2 nhưng sau đó quay đầu giảm trở lại do triển vọng nguồn cung toàn cầu cải thiện và yếu tố mùa vụ.

Về tình hình giá nông sản và thực phẩm trong nước, thịt lợn hơi trong nước tăng mạnh, đạt đỉnh mới trước Tết Nguyên đán, phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng cao dịp lễ và hạn chế nguồn cung. Giá rau củ thiết yếu giảm

mạnh ngay trước Tết nhờ nguồn cung dồi dào từ các vùng sản xuất lớn, giúp thị trường tương đối ổn định. Tình hình biến động giá cả phê và tiêu trong nước duy trì mức cao ở nhiều thời điểm tháng 1, dù có nhịp điều chỉnh trong tuần đầu tháng 2.

Về tình hình xuất khẩu hàng hóa Việt Nam, tháng 1/2026 là khởi đầu tích cực cho hoạt động xuất khẩu: tổng kim ngạch hàng hóa đạt 43,19 tỷ USD, tăng gần 30 % so với cùng kỳ năm trước, thể hiện sức bật của khu vực sản xuất và thương mại trong bối cảnh phục hồi sau đại dịch và tận dụng thị trường xuất khẩu rộng mở.

Trong nhóm nông sản, hồ tiêu ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ, với giá trị kim ngạch tăng xấp xỉ 66 % so với cùng kỳ, dù sản lượng xuất khẩu có phần giảm nhẹ theo mùa. Tương tự, một số mặt hàng nông sản và thủy sản khác cũng đóng góp tích cực vào tổng kim ngạch xuất khẩu chung.

Diễn biến giá cả hàng hóa chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố bên ngoài: xu hướng cung thừa ngũ cốc toàn cầu, áp lực bán chốt lời trên nhiều mặt hàng, điều chỉnh chính sách thương mại quốc tế và biến động theo mùa vụ và nhu cầu tiêu dùng dịp lễ năm mới ... khiến thị trường biến động mạnh và khó lường trong ngắn hạn.

Thông tin, dữ liệu được tổng hợp từ các nguồn của các tổ chức quốc tế như: IMF, WB, ADB, WTO, OECD, UNCTAD, S&P Global, Bloomberg, Tradingeconomics...; và các tổ chức trong nước như NSO, SBV, MOF, VBMA, VIS, Fiin Group, MXV,...

THÔNG TIN HỘI VIÊN

Agribank đẩy mạnh an sinh xã hội và phát triển bền vững dịp Xuân Bính Ngọ 2026

Nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) triển khai chương trình an sinh xã hội quy mô lớn “Agribank chung tay vì người nghèo, đối tượng chính sách” với tổng kinh phí hơn 100 tỷ đồng trên phạm vi toàn quốc. Hoạt động này tiếp tục khẳng định vai trò của một ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực trong việc gắn hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

Vietcombank triển khai “Tết Cưng Vui” và đẩy mạnh hoạt động cộng đồng dịp Xuân Bính Ngọ 2026

Dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) triển khai chiến dịch “Tết Cưng Vui” với hệ sinh thái ưu đãi tài chính - số hóa toàn diện dành cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Song song với hoạt động kinh doanh, ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh các chương trình an sinh xã hội, giáo dục và y tế tại nhiều địa phương trên cả nước.

BIDV đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp và an sinh xã hội dịp Xuân Bính Ngọ 2026

Bước sang năm 2026, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) đồng thời triển khai nhiều hoạt động nổi bật, từ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số, hợp tác với doanh nghiệp lớn đến các chương trình an sinh xã hội quy mô toàn quốc.

VietinBank thúc đẩy chuyển đổi số, tài chính xanh và hỗ trợ phát triển hạ tầng

Bước sang năm 2026, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) tiếp tục triển khai nhiều giải pháp trọng tâm trong chuyển đổi số, phát triển tài chính bền vững và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các dự án hạ tầng chiến lược, qua đó khẳng định vai trò của

Với gần 38 năm xây dựng và phát triển, Agribank tiếp tục kiên định sứ mệnh phục vụ “tam nông”, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, văn hóa và phát triển bền vững. Chuỗi hoạt động an sinh xã hội dịp Xuân Bính Ngọ 2026 tiếp tục khẳng định định hướng phát triển nhất quán của Agribank gắn hiệu quả kinh doanh với trách nhiệm cộng đồng và phát triển bền vững.

Từ việc lan tỏa hỗ trợ người nghèo, đồng hành các chương trình văn hóa - xã hội đến thúc đẩy tài chính xanh và tín dụng “tam nông”, Agribank không chỉ giữ vững vai trò ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực mà còn góp phần củng cố nền tảng an sinh và tăng trưởng bao trùm của nền kinh tế trong giai đoạn mới.

Chiến dịch “Tết Cưng Vui” cùng chuỗi hoạt động an sinh xã hội dịp Xuân Bính Ngọ 2026 cho thấy Vietcombank đang triển khai đồng thời hai trụ cột chiến lược là đẩy mạnh số hóa nâng cao trải nghiệm khách hàng và lan tỏa giá trị cộng đồng.

Với nền tảng tài chính vững mạnh, uy tín quốc tế được củng cố và định hướng phát triển bền vững nhất quán, Vietcombank tiếp tục khẳng định vai trò ngân hàng thương mại dẫn đầu, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế trong giai đoạn phát triển mới. Những hoạt động này thể hiện định hướng phát triển bền vững của Vietcombank khi gắn kết hoạt động kinh doanh với trách nhiệm cộng đồng, đặc biệt trong các lĩnh vực giáo dục, y tế và an sinh xã hội.

Từ việc hỗ trợ doanh nghiệp SME, mở rộng hệ sinh thái số đến duy trì các chương trình an sinh xã hội quy mô lớn, BIDV đang triển khai đồng bộ các giải pháp gắn tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm cộng đồng.

Những hoạt động đầu năm 2026 không chỉ giúp doanh nghiệp và người dân ổn định hoạt động, tối ưu dòng tiền và tiếp cận tài chính thuận lợi hơn, mà còn tiếp tục khẳng định vai trò ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực của BIDV trong việc đồng hành cùng nền kinh tế hướng tới tăng trưởng bền vững.

Từ chuyển đổi số trong chăm sóc khách hàng, phát triển các sản phẩm tài chính xanh đến cung ứng nguồn vốn cho hạ tầng chiến lược và duy trì các hoạt động an sinh xã hội, VietinBank đang triển khai đồng bộ các trụ cột phát triển dài hạn.

Những bước đi này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ, mà còn tiếp tục khẳng định vai trò ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực trong việc dẫn dắt dòng vốn, thúc đẩy chuyển đổi bền vững và đồng hành cùng nền kinh tế trong giai đoạn mới.

một ngân hàng thương mại nhà nước chủ lực trong nền kinh tế.

Ngân hàng đồng loạt cảnh báo lừa đảo trực tuyến gia tăng dịp cận Tết

Trước nhu cầu giao dịch và mua sắm trực tuyến tăng mạnh dịp Tết Nguyên đán, các ngân hàng như OCB, ABBank, BIDV và MB đã đồng loạt phát đi cảnh báo về các hình thức lừa đảo tài chính ngày càng tinh vi, ứng dụng công nghệ cao và dàn dựng kịch bản phức tạp nhằm chiếm đoạt thông tin, tài sản của khách hàng.

HDBank lan tỏa hoạt động cộng đồng, tăng trưởng lợi nhuận và đẩy mạnh tài chính xanh

Trong những ngày cận Tết Bính Ngọ 2026, Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank, mã chứng khoán: HDB) đồng thời triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội, công bố kết quả kinh doanh năm 2025 tăng trưởng tích cực và hoàn tất chương trình phát hành trái phiếu xanh quốc tế, cho thấy định hướng phát triển gắn với cộng đồng và bền vững của ngân hàng.

Sacombank đẩy mạnh chuyển đổi số, hỗ trợ hệ kinh doanh và nâng cấp trải nghiệm thanh toán

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) đang tăng tốc triển khai nhiều sáng kiến chuyển đổi số và nâng cao trải nghiệm khách hàng, từ hỗ trợ hệ kinh doanh áp dụng hóa đơn điện tử đến phát triển các giải pháp thanh toán trực tuyến và hoạt động xây dựng thương hiệu gắn với giới trẻ.

VietABank đẩy mạnh chuyển đổi số, lợi nhuận năm 2025 tăng 50%

Ngân hàng TMCP Việt Á (VietABank) ghi nhận lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 1.623 tỷ đồng, tăng 50% so với năm trước và hoàn thành 124% kế hoạch năm, qua đó tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng mới gắn với chuyển đổi số và mở rộng khách hàng doanh nghiệp.

Sự gia tăng của các hình thức lừa đảo trực tuyến dịp cận Tết cho thấy rủi ro an ninh mạng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng ngày càng phức tạp, đặc biệt khi tội phạm công nghệ cao tận dụng trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa, deepfake và các nền tảng số để tạo kịch bản lừa đảo tinh vi hơn.

Trong bối cảnh giao dịch trực tuyến tiếp tục tăng mạnh, việc nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo mật của người dùng, cùng với các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa từ phía ngân hàng, trở thành yếu tố then chốt để bảo vệ tài sản và duy trì niềm tin vào hệ thống tài chính số.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội dịp Tết, kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2025 và việc hoàn tất phát hành trái phiếu xanh quốc tế cho thấy HDBank đang triển khai đồng bộ chiến lược phát triển gắn với hiệu quả kinh doanh, chuyển đổi số và tài chính bền vững.

Trên nền tảng tài chính vững chắc và hệ sinh thái tài chính đa tầng gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng số và tài chính tiêu dùng, cùng chiến lược số hóa và ESG rõ ràng, HDBank đã sẵn sàng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, đồng hành cùng mục tiêu phát triển kinh tế xanh và bao trùm trong giai đoạn tới.

Thông qua việc hỗ trợ hệ kinh doanh triển khai hóa đơn điện tử, mở rộng các giải pháp thanh toán trực tuyến an toàn và tăng cường kết nối thương hiệu với thế hệ khách hàng trẻ, Sacombank đang từng bước hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số gắn với trải nghiệm khách hàng.

Những bước đi đồng bộ này không chỉ giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ tài chính số, mà còn góp phần thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ khu vực kinh tế hộ thích ứng với môi trường kinh doanh số trong giai đoạn mới.

Kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025 cùng việc đẩy mạnh chuyển đổi số, đặc biệt ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp, đang tạo nền tảng quan trọng để VietABank bước vào giai đoạn phát triển mới với động lực tăng trưởng rõ ràng hơn. Việc kết hợp giữa nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số và tăng cường chăm sóc khách hàng không chỉ giúp ngân hàng củng cố năng lực cạnh tranh, mà còn hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định và bền vững trong những năm tới.

OCB ra mắt tiền gửi linh hoạt Flexi Savings, đẩy mạnh số hóa và phát triển bền vững

Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) vừa giới thiệu Flexi Savings - tiền gửi sinh lời linh hoạt, đồng thời triển khai nhiều hoạt động chuyển đổi số, ESG và chương trình khách hàng, tiếp tục củng cố nền tảng tăng trưởng sau năm 2025 ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực.

Vietbank triển khai ưu đãi Tết 2026, kiện toàn nhân sự cấp cao và củng cố nền tảng tài chính

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) vừa triển khai chương trình ưu đãi khách hàng dịp Tết Nguyên đán 2026, đồng thời công bố kiện toàn nhân sự cấp cao và kết quả kinh doanh năm 2025 với nhiều chỉ tiêu tăng trưởng tích cực.

Việc ra mắt Flexi Savings cùng với đẩy mạnh ngân hàng số, mở rộng hệ sinh thái Open API và triển khai các sáng kiến ESG cho thấy OCB đang tiếp tục hoàn thiện mô hình ngân hàng hiện đại theo hướng linh hoạt, số hóa và phát triển bền vững.

Trên nền tảng kết quả kinh doanh tích cực năm 2025 và định hướng chiến lược rõ ràng đến năm 2030, OCB đang từng bước củng cố năng lực cạnh tranh, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tạo động lực tăng trưởng dài hạn trong giai đoạn mới.

Việc đồng thời triển khai chương trình ưu đãi khách hàng dịp Tết, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo cấp cao và duy trì kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực, ổn định trong năm 2025 cho thấy Vietbank đang chủ động củng cố nền tảng tài chính cùng năng lực quản trị. Đây là cơ sở để ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, mở rộng hoạt động kinh doanh và hướng tới mục tiêu tăng trưởng an toàn, bền vững trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Nguồn: Thông tin các ngân hàng thương mại

VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Nguồn
CP	Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai	31/01/2026	chinhphu.vn
	Nghị định số 50/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất		
BNV	Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNV quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	02/02/2026	
Bộ NNMT	Quyết định số 441/QĐ-BNNMT về việc công bố và hướng dẫn kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính		
CP	Quyết định số 224/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	03/02/2026	
	Quyết định số 225/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công nghệ cao		
BTP	Văn bản hợp nhất số 753/VBHN-BTP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực giao dịch	4/02/2026	

* VĂN BẢN DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp	02/02/2026	mof.gov.vn
	Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025		
	Dự thảo Thông tư quy định về chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa	03/02/2026	
	Bảng tổng hợp tham gia ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định Quy định thực hiện thủ tục hành chính đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN thay thế Nghị định số 85/2019/NĐ-CP của Chính phủ	4/02/2026	
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 53/2018/TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	6/02/2026	sbv.gov.vn
BTC	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 9 của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ		mof.gov.vn